

Tên:

Nghe:

Lớp: S4...

Ngày làm bài: Thứ....., ngày...../.....



Unit 3: Homes - Vocabulary 1 & KET Listening

❖ Mẹo: Dự đoán đáp án (Answer Prediction)

1. **Đọc câu hỏi kỹ** → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing...).
2. **Đoán chủ đề cần điền** → là người, địa điểm, giờ, đồ vật hay hành động.
3. **Nghe cẩn thận** → tìm chi tiết trùng với từ khóa, chú ý cách nói đồng nghĩa.
4. **Kiểm tra lại** → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

Ví dụ:

Bước 1: Đọc kỹ câu hỏi

Câu: "When" → yêu cầu điền một **thời gian** hoặc **ngày**.

Đây là câu hỏi yêu cầu xác định khi nào sự kiện sẽ diễn ra.

Bước 2: Đoán chủ đề

Đoán: Cần điền một ngày cụ thể hoặc thời gian

Bước 3: Nghe script

Script: "I'm going to tell you what you need to know for next **Friday's** trip..."

👉 Nghe được chính xác "Friday".

Bước 4: Kiểm tra lại

Đọc lại câu: "When: Friday" → Ngữ pháp đúng và hoàn toàn hợp lý với câu hỏi.

Kết luận: Câu trả lời chính xác là Friday.

❖ Pre-listening

Sort the words/phrases in the box into the correct columns.

<i>Friday</i>	5.50 pounds	8:15	train	cameras
Maths	bus	History	8 pounds	food

Day	Time	Subject	Price	Transport	Things to bring
0. <i>Friday</i>	1. _____	2. _____ 3. _____	4. _____ 5. _____	6. _____ 7. _____	8. _____ 9. _____

❖ Extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	Egyptian (adj)	(thuộc) Ai Cập	3	full price (n)	giá gốc (chưa giảm, chưa khuyến mãi)
2	usual (adj)	thông thường, thường lệ			

❖ **Note:** n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link sau: https://soundcloud.com/ms-chi-english/a2-key-tk_test-1_part-2

Part 2

 Questions 6 - 10

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher telling her students about a museum they are going to visit.

EGYPTIAN MUSEUM

When: *Friday*

Cost of the ticket (students): (6) £ _____

Give money to: (7) _____ teacher

Time to leave school: (8) _____

Travel by: (9) _____

Bring: (10) _____



Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S4...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Mini test:

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



Unit 3: Homes - Vocabulary 1 & KET Listening

A. VOCABULARY

❖ Rooms in a house

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	bedroom (n)	phòng ngủ	4	dining room (n)	phòng ăn
2	bathroom (n)	phòng tắm	5	living room (n)	phòng khách
3	kitchen (n)	nhà bếp	6	roof (n)	mái nhà

❖ Types of houses

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	stilt house (n)	nhà sàn	4	bungalow (n)	nhà một tầng
2	eco-house (n)	nhà sinh thái	5	detached house (n)	nhà biệt lập (không chung vách)
3	apartment (n)	căn hộ (trong chung cư)	6	yurt (n)	lều tròn (được bao phủ bởi da hoặc nỉ)

❖ Extra vocabulary

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	energy-efficient (adj)	tiết kiệm năng lượng	3	get off (phr.v)	xuống (xe)
2	neighbor (n)	người hàng xóm	4	book (v)	đặt (vé, phòng,...)

❖ **Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adj = adjective: tính từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Joe talks about his morning at home. Read the sentences and fill in the blanks with the correct words from the ROOMS IN A HOUSE topic above.

0. This is the roof.

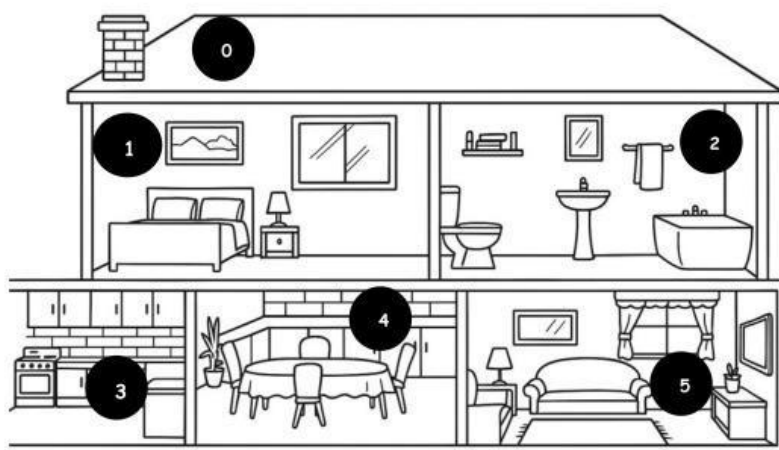
1. In the morning, I wake up in the _____.

2. Then I wash my face in the _____.

3. My mother cooks breakfast in the _____.

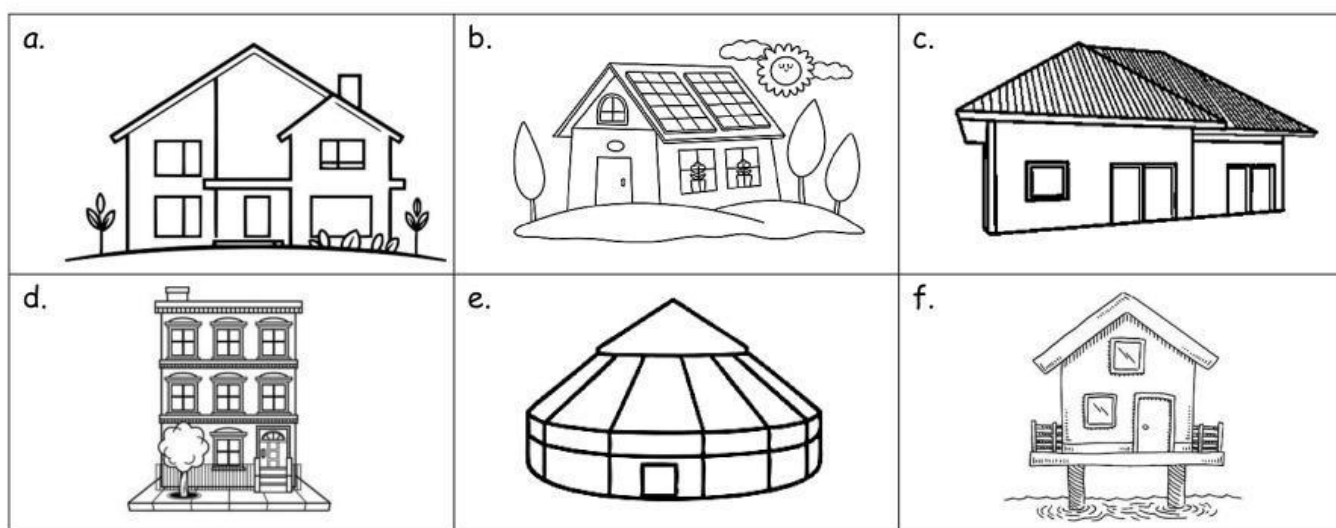
4. I eat breakfast in the _____.

5. After that, I watch TV in the _____.



II. How are these houses different? Match the words with the pictures.

0. ~~detached house~~ 1. eco-house 2. stilt house 3. yurt 4. bungalow 5. apartment



Your answer:

0 - a 1 - ____ 2 - ____ 3 - ____ 4 - ____ 5 - ____

III. What do the children like about their homes? Read and match to the photos in Exercise II.

Type of houses	Reason
0. <u>a</u>	Leo loves it because it has a garden in front and a lot of space.
1. ____	Jenna likes it because she doesn't have to walk up and down the stairs.
2. ____	Bella loves it because it is in a tall building. She can see nice views and her neighbors are very close.
3. ____	Tom likes it because it is round. He loves animals and nature.
4. ____	Taylor likes it because it's modern and energy-efficient.
5. ____	Jack loves it because it's a wooden house near the lake. He can go fishing with his parents.

IV. Complete the sentences using the verbs in the box. Change the form to infinitive form or -ing form.

~~travel~~ swim paint read dance cook

0. She wants to travel to Japan next year.
1. He enjoys _____ comic books in the evening.
2. We hope _____ in the sea this summer.
3. They love _____ at the school party.
4. I am learning _____ Italian food.
5. My brother wants _____ a picture of our house.

Con làm bài nghe theo link sau: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint-april-2018-part-1>

Part 1

Questions 1 – 5

For each question, there are three pictures and a short recording. Choose the correct picture and circle the letter **A**, **B** or **C** below it.

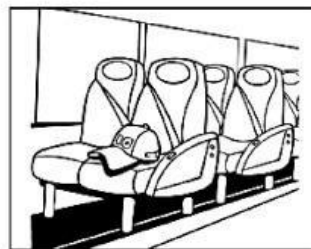
Example: Where is the girl's hat?



A



B

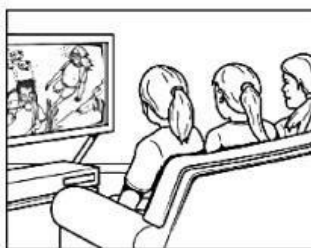


C

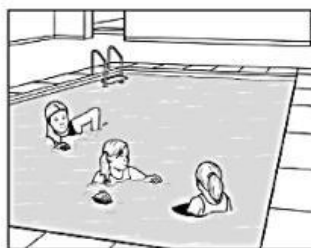
1 What is Sally going to do this afternoon?



A



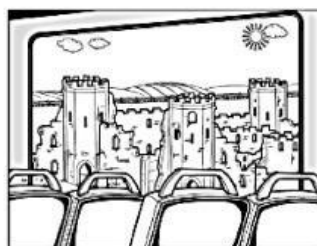
B



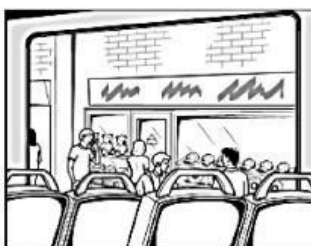
C

[1]

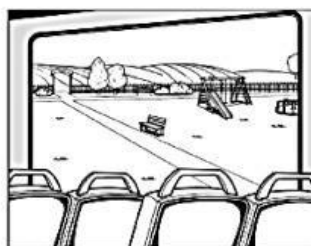
2 Which view from the bus did the boy like best?



A



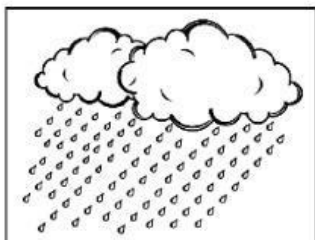
B



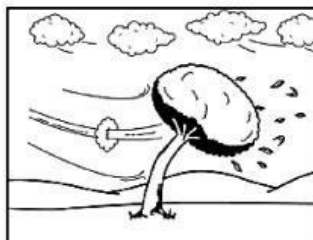
C

[1]

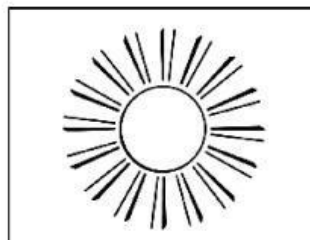
3 What was the weather like last Saturday?



A



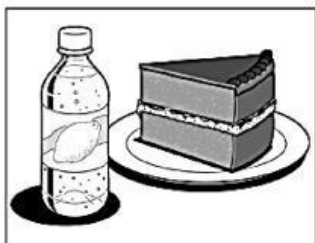
B



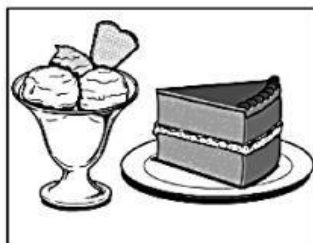
C

[1]

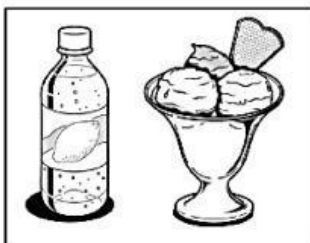
4 What does the girl choose in the café?



A



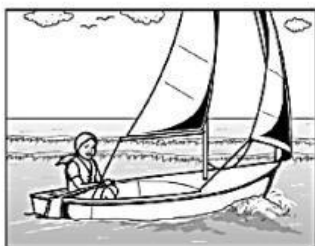
B



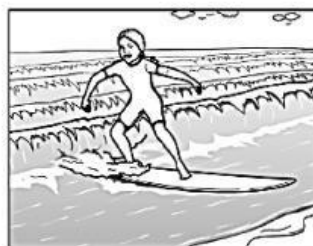
C

[1]

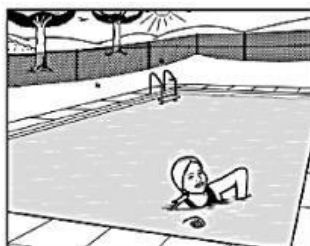
5 What is the girl doing tomorrow afternoon?



A



B



C

[1]

Con làm bài nghe theo link sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint april-2018 part-2](https://soundcloud.com/ms-chi-english/cambridge-primary-checkpoint-april-2018-part-2)

❖ Pre-listening

You will hear a girl called Tina talking to her friend Ben about piano lessons.

For each statement, circle True if the statement is correct, or False if it is incorrect.

- | | | |
|--|------|--------------|
| 0. Tina has her piano lessons on Tuesdays. | True | <u>False</u> |
| 1. Tina's piano teacher is younger than her guitar teacher. | True | False |
| 2. Tina finds playing music quickly very difficult. | True | False |
| 3. Tina's piano teacher makes her laugh when she gets bored. | True | False |
| 4. Tina recommends watching video lessons online as the best way to learn piano. | True | False |
| 5. Ben can borrow Tina's brother's old keyboard to practice. | True | False |

❖ Listening

Part 2

Listen again. For each question, circle the correct answer A, B, or C.

6. **Which day does Tina have her piano lesson?**
 - A) Tuesday
 - B) Friday

7. **What is the most difficult thing for Tina?**
 - A) playing quickly enough
 - B) reading the music

8. **Tina tells Ben that her teacher is very**
 - A) busy.
 - B) funny.

9. **What advice does Tina give Ben about learning the piano?**
 - A) Use an easy beginner's book.
 - B) Watch lessons on the internet.

10. **How will Tina help Ben?**
 - A) by taking him to a piano concert
 - B) by lending him an instrument